TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23/3/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Khả Hòa và bà Lê Thị Cần.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 2002

Địa chỉ: Phố Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Xuân V, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn Ia Chía, xã Ia Nan, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T và anh Trương Xuân V có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 13/10/2020.

Sau khi kết hôn, chị T và anh V chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hòa thuận, không có hạnh phúc. Anh V không lo làm ăn, còn thường xuyên đánh đập, chửi bới chị T. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân một thời gian, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung tên: Trương Huyền Anh, sinh ngày 23/5/2021. Cháu Trương Huyền Anh hiện đang sống cùng với chị T.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Huyền Anh cho đến khi cháu Anh thành niên và tự lập được. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn anh Trương Xuân V không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên toà.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Trương Xuân V là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, chị T có đơn xin ly hôn, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh V không đến Toà án để tham gia tố tụng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị T không còn yêu thương anh V, không còn mong muốn chung sống cùng anh V nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương

Huyền Anh. Anh Trương Xuân V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc giải quyết nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cháu Trương Huyền Anh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Anh thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Trương Xuân V có địa chỉ tại thôn Ia Chía, xã Ia Nan, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trương Xuân V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trương Xuân V trải qua qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G, vì vậy hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống với anh V, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh V.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng chị T và anh V không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị T không còn yêu thương anh V, không còn mong muốn chung sống cùng anh V nữa. Như vậy, chị T và anh V đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, lấy lời khai, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện anh V không còn quan tâm tới quan hệ hôn nhân với chị T, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung tên là: Trương Huyền Anh, sinh ngày 23/5/2021. Cháu Trương Huyền Anh hiện đang sống cùng chị T. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trương Huyền Anh cho đến khi cháu Anh trưởng

thành và tự lập được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Xuân V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn nuôi dưỡng cháu Anh. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Anh là con gái, lại đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, anh V không thể hiện nguyện vọng nuôi dưỡng cháu, chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu. Do đó, cần giao cháu Trương Huyền Anh cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Anh trưởng thành và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh V cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Xuân cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự**;**

- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trương Xuân V.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Huyền Anh, sinh ngày 23/5/2021 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi cháu Anh chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trương Xuân V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006893 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND TT Chư Ty;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đặng Anh Việt